

Số: /QĐ-CAT-TM

Tuyên Quang, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cắt giảm thời gian giải quyết đối với các thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh Tuyên Quang**

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA ngày 25/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 2709/BCA-V03 ngày 25/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an về công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực cấp, quản lý căn cước; định danh và xác thực điện tử; quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; đăng ký, quản lý con dấu; sát hạch, cấp giấy phép lái xe; quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an;

Căn cứ Quyết định số 1058/QĐ-CAT-TM ngày 27/01/2026 của Giám đốc Công an tỉnh Tuyên Quang về việc công khai áp dụng Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 150/KH-CAT-TM ngày 05/01/2026 của Công an tỉnh về cải cách thủ tục hành chính; kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong Công an tỉnh Tuyên Quang năm 2026;

Xét đề nghị của Phòng Tham mưu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án cắt giảm thời gian giải quyết đối với **41** thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh Tuyên Quang khi hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và đáp ứng các điều kiện giải quyết theo quy định tại 02 cấp (cấp tỉnh và cấp xã). Thời gian cắt giảm không áp dụng đối với trường hợp phải xác minh, bổ sung hồ sơ hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

(Danh mục chi tiết và thời gian cắt giảm kèm theo tại Phụ lục I)

Điều 2. Giao các đơn vị nghiệp vụ Công an tỉnh và Công an xã, phường:

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quyết định này để người dân biết, thực hiện thủ tục hành chính.

- Phòng Tham mưu có trách nhiệm cập nhật Quyết định lên Trang Thông tin điện tử Công an tỉnh.

- Các đơn vị có chức năng giải quyết thủ tục hành chính niêm yết công khai Quyết định này tại Bộ phận Một cửa để người dân, doanh nghiệp biết; thực hiện nghiêm túc việc giải quyết thủ tục hành chính theo thời hạn đã được cắt giảm tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung không được nêu tại Quyết định này được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính hiện hành.

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị cấp phòng, Trưởng Công an các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục V03 - Bộ Công an (để báo cáo);
- Các đơn vị thuộc CAT;
- Công an các xã, phường;
- Lưu: VT, TM (PC).

GIÁM ĐỐC

Thiếu tướng Nguyễn Đức Thuận

**PHỤ LỤC I: DANH MỤC TTHC CẮT GIẢM THỜI GIAN
GIẢI QUYẾT CỦA CÔNG AN TỈNH TUYẾN QUANG**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CAT-TM ngày /6/2026 của Công an tỉnh)

Tổng cộng: Cắt giảm thời gian cho **41/183** thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh, đạt tỷ lệ **22,4%**. Mức cắt giảm thời gian giải quyết bình quân đạt **37,6%** nhằm tạo điều kiện tối đa cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

STT	Cấp thực hiện	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn hiện tại	Thời hạn sau cắt giảm
I. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ					
1	Cấp tỉnh	Đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất lắp ráp trong nước <i>(trừ trường hợp trúng đấu giá, cấp biển số định danh)</i>	1.012575	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc
2	Cấp tỉnh	Đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình đối với xe nhập khẩu <i>(trừ trường hợp trúng đấu giá, cấp biển số định danh)</i>	1.013066	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc
3	Cấp tỉnh	Cấp đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe	2.001721	02 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
4	Cấp tỉnh	Thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe <i>(đối với trường hợp thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan công an)</i>	2.001485	02 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
5	Cấp tỉnh	Cấp giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên	2.001262	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc
6	Cấp tỉnh	Đăng ký xe tạm thời	2.001237	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc
7	Cấp xã	Đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất lắp ráp trong nước <i>(trừ trường hợp trúng đấu giá, cấp biển số định danh)</i>	1.012575	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc
8	Cấp xã	Đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình đối với xe nhập khẩu <i>(trừ trường hợp trúng đấu giá, cấp biển số định danh)</i>	1.013066	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc
9	Cấp xã	Đăng ký, cấp biển số xe lần đầu <i>(trừ trường hợp trúng đấu giá, cấp biển số định danh)</i>	1.010910	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc
10	Cấp xã	Cấp đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe	1.010916	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc
11	Cấp xã	Thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe <i>(đối với trường hợp thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan công an)</i>	1.010919	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc
12	Cấp xã	Đăng ký xe tạm thời	1.010918	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc
II. QUẢN LÝ NGÀNH NGHỀ ĐẦU TƯ, KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH, TRẬT TỰ					

13	Cấp tỉnh	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự	2.001478	04 ngày làm việc	03 ngày làm việc
14	Cấp tỉnh	Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự	2.001402	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc
15	Cấp xã	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự	3.000243	04 ngày làm việc	03 ngày làm việc
16	Cấp xã	Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự	3.000244	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc

III. ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CON DẤU

17	Cấp tỉnh	Đăng ký mẫu con dấu mới	2.001428	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc
18	Cấp tỉnh	Đăng ký lại mẫu con dấu	2.001410	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc

IV. QUẢN LÝ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ VÀ PHÁO

19	Cấp tỉnh	Cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp	1.000554	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc
20	Cấp tỉnh	Cấp Giấy phép vận chuyển công cụ hỗ trợ	1.000332	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc
21	Cấp tỉnh	Cấp Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ	1.000468	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc
22	Cấp tỉnh	Cấp lại giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ	2.000152	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc

V. ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ

23	Cấp tỉnh	Khóa tài khoản định danh điện tử	3.000274	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc
24	Cấp tỉnh	Mở khóa tài khoản định danh điện tử	3.000275	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc
25	Cấp xã	Khóa tài khoản định danh điện tử	3.000283	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc
26	Cấp xã	Mở khóa tài khoản định danh điện tử	3.000284	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc

VI. ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CƯ TRÚ

27	Cấp xã	Gia hạn tạm trú	1.002755	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc
28	Cấp xã	Xóa đăng ký thường trú	1.003197	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
29	Cấp xã	Tách hộ	1.010038	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc

VII. QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

30	Cấp tỉnh	Trình báo mất thẻ ABTC tại địa phương	1.011726	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
31	Cấp tỉnh	Xác nhận, cung cấp thông tin liên quan đến xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam	1.012677	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
32	Cấp tỉnh	Cấp giấy phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới cho người nước ngoài	1.000931	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
33	Cấp tỉnh	Cấp thẻ tạm trú cho người nước ngoài	1.003460	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc

34	Cấp tỉnh	Cấp thị thực cho người nước ngoài	1.001194	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc
35	Cấp tỉnh	Gia hạn tạm trú cho người nước ngoài	1.001146	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc
36	Cấp tỉnh	Gia hạn tạm trú cho người đã được cấp giấy miễn thị thực	1.002411	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc
37	Cấp xã	Trình báo mất thẻ ABTC tại địa phương	1.011728	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
38	Cấp xã	Cấp giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới	1.003133	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc
39	Cấp xã	Trình báo mất hộ chiếu phổ thông	1.010386	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc

VIII. SÁT HẠCH, CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

40	Cấp tỉnh	Cấp Giấy phép lái xe (<i>đối với Giấy phép lái xe điện tử</i>)	3.000346	03 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
41	Cấp tỉnh	Đổi Giấy phép lái xe	3.000347	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
